

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2019/HS-PT
Ngày 25 tháng 3 năm 2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Thành Trung**.

Các Thẩm phán:

- Bà **Lâm Vương Mỹ Linh**;

- Bà **Bùi Thị Nghĩa**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trịnh Thị Biên** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Văn Nhơn** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 09/2019/TLPT-HS ngày 08 tháng 01 năm 2019, đối với các bị cáo Trần Anh T và Chu Quang Đ, do có kháng cáo của người bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số 299/2018/HS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Các bị cáo bị kháng cáo:

1. Trần Anh T – Sinh năm: 1991, tại: Gia Lai; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai; chỗ ở: Chung cư N, phường T, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc O và bà Nguyễn Thị T; chưa có vợ, con.

Tiền sự: Tại Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính số 03/QĐ-TA ngày 12 tháng 7 năm 2016, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Trần Anh T 01 (một) năm. Chấp hành xong Quyết định ngày 16 tháng 6 năm 2017.

Tiền án: Không.

Nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 775/2013/HS-ST ngày 19 tháng 12 năm 2013, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xử phạt Trần Anh T 03 (ba) tháng 01 (một) ngày tù, về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự 1999. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 19 tháng 12 năm 2013; chấp hành xong các quyết định khác của bản án ngày 06 tháng 6 năm 2014.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam.
Có mặt.

2. Chu Quang Đ (Tên gọi khác: **B, B1**) – Sinh năm: 1988, tại: Gia Lai; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai; chỗ ở: Chung cư N, phường T, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chu Quang Minh và bà Đinh Thị Phước; có vợ, chưa có con.

Tiền sự: Không

Tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2014/HSST ngày 23 tháng 7 năm 2014, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai xử phạt bị cáo Chu Quang Đ 09 (chín) tháng tù, về tội “Đánh bạc” (có giá trị 15.700.000 đồng) theo Khoản 1 Điều 248 và Điểm g (tái phạm) Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 15 tháng 4 năm 2015; chấp hành xong các Quyết định khác của bản án ngày 04 tháng 10 năm 2018.

Nhân thân:

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số 13/2011/HSST ngày 15 tháng 3 năm 2011, Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Gia Lai xử phạt Chu Quang Đ 04 (bốn) năm tù, về tội “Cố ý gây thương tích” theo Khoản 3 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

- Tại bản bản án hình sự sơ thẩm số 16/2011/HSST ngày 21 tháng 4 năm 2011, Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh Gia Lai xử phạt Chu Quang Đ 09 (chín) tháng tù, về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo Khoản 1 Điều 143 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Tổng hợp hình phạt tù chưa chấp hành của Bản án số 13/2011/HSST ngày 15 tháng 3 năm 2011 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Gia Lai, buộc Chu Quang Đ chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 04 (bốn) năm 02 (hai) tháng tù.

+ Chấp hành xong hình phạt tù ngày 30 tháng 8 năm 2013.

+ Chấp hành xong các quyết định khác của bản án số 13/2011/HSST ngày 15 tháng 3 năm 2011 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Gia Lai ngày 15 tháng 4 năm 2016;

+ Chấp hành xong các quyết định khác của bản án số 16/2011/HSST ngày 21 tháng 4 năm 2011 của Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh Gia Lai ngày 03 tháng 11 năm 2011.

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số 08/2018/HS-ST ngày 10 tháng 5 năm 2018, Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xử phạt Chu Quang Đ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” theo Điểm g (tái phạm nguy hiểm) Khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo đang chấp hành hình phạt tù của bản án số 08/2018/HS-ST ngày 10 tháng 5 năm 2018, tại Trại giam G, tỉnh Gia Lai từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

Có mặt.

Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo hoặc có liên quan đến

kháng cáo:

- **Người bào chữa cho các bị cáo Trần Anh T và Chu Quang Đ:** Ông Lê Văn T – Luật sư của Văn phòng Luật sư Lê Văn T và cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa.

Có mặt.

- **Người bị hại:** Chị Hà Vân A – Sinh năm: 1995; nơi cư trú: Số 21 T, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Bà Chu Thị Ngọc H
- Sinh năm: 1980; nơi cư trú: Căn hộ E42B Chung cư N, phường T, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại Hà Vân A:** Ông Vũ Như H – Luật sư của Công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vũ Như H và cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa.

Có mặt.

- **Những người làm chứng:**

1. Chị Vũ Thị Quỳnh T, sinh năm: 1989; nơi cư trú: Số G22 Chung cư N, phường T, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Vắng mặt.

2. Ông Huỳnh Tấn N, sinh năm: 1979; nơi cư trú: Số 21 Tân An, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Có mặt.

3. Bà Phạm Thục V, sinh năm: 1981, nơi cư trú: K, phường N, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Vắng mặt.

4. Bà Lê Hồng V, sinh năm: 1985, nơi cư trú: 56/24 Dã T, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ khoảng tháng 12 năm 2017, giữa chị Hà Vân A và bà Chu Thị Ngọc H thường xuyên nhắn tin chửi nhau thông qua mạng facebook do chị V có mối quan hệ tình cảm với anh Huỳnh Tấn N (chồng của chị H, đã ly hôn).

Đến khoảng 18 giờ 30 phút, ngày 02 tháng 01 năm 2018, chị H đang ở nhà thì nghe em dâu là Vũ Quỳnh Trang (vợ của Chu Quang Đ, em ruột H) nói Đ và N có mâu thuẫn tại bàn bida N, số 75 Nguyễn Thị Minh K, thành phố N. Nghe vậy, Hiền một mình điều khiển xe mô tô đến quán bida N. Lúc này, Trần Anh T (bạn

của Đ, sống chung với vợ chồng Đ) nghe, biết Đ có mâu thuẫn nên đi xuống tầng trệt Chung cư N lấy cây mã tấu (dạng mác) dài khoảng 60cm, quấn vào khăn rồi đón xe thô đến bida N hỗ trợ Đ.

Lúc này, tại bida N, Đ và Nguyễn đang đứng nói chuyện thì nghe ồn ào tại quầy tính tiền nên nhìn sang thấy chị V đang nắm tóc, đánh chị H (Đ biết việc chị có nhắn tin chửi chị H trên mạng xã hội) nên Đ rút dao thái lan từ trong túi quần chạy đến chị V gây thương tích. Sau đó, Đ bị anh N ngăn cản, đẩy ra ngoài. Lúc này, Tuấn có mặt, thấy Hiền và chị V đang đánh nhau nên xông vào dùng tay trái nắm tóc chị V kéo ra, đồng thời dùng tay phải đang cầm mã tấu chém liên tiếp nhiều nhát vào lưng, tay chị A gây thương tích. Khi chị A buông tay thì T định tiếp tục chém chị A nhưng H ngăn cản, đẩy T ra khỏi bida N. Đ dùng mô tô chở T đến đường H, thành phố N vứt bỏ cây mã tấu và cây dao vào thùng rác ven đường, sau đó cả hai đi về.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 32/Th.T-PY ngày 31 tháng 01 năm 2018, Trung tâm pháp y – Sở y tế tỉnh Khánh Hòa kết luận: Chị Hà Vân A bị tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 14%.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 299/2018/HSST ngày 28 tháng 11 năm 2018, Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:

- Áp dụng Điểm đ Khoản 2 (dẫn chiếu các Điểm a và i Khoản 1) Điều 134; các Điểm b, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Anh T;

- Áp dụng các Điểm d, đ Khoản 2 (dẫn chiếu Điểm a Khoản 1) Điều 134; Các Điểm b, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 56 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Chu Quang Đ,

- Xử phạt bị cáo Trần Anh T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội “cố ý gây thương tích”.

- Xử phạt bị cáo Chu Quang Đ 02 (hai) năm tù, về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp với hình phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù của bản án số 08/2018/HSST ngày 10 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai, buộc Chu Quang Đ phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Tách việc bồi thường thiệt hại của chị Hà Vân A để giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo.

Ngày 10 tháng 12 năm 2018, người bị hại Hà Vân A kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm vì bỏ lọt tội phạm đối với bà Chu Thị Ngọc H.

Ngày 28 tháng 02 năm 2019, người bị hại Hà Vân A bổ sung kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc các bị cáo bồi thường cho chị A 85.648.100 đồng (tám mươi lăm triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn một trăm đồng), gồm các khoản:

- Chi phí điều trị thương tích: 1.648.100 đồng (một triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn một trăm đồng);

- Tiền bồi dưỡng: 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng);

- Thiệt hại do tổn thất tinh thần: 69.000.000 đồng (sáu mươi chín triệu đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Không chấp nhận kháng cáo của người bị hại Hà Văn A về việc bỏ lọt tội phạm đối với bà Chu Thị Ngọc H và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

+ Đối với kháng cáo bổ sung của người bị hại Hà Văn A về bồi thường dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo và người bị hại về việc các bị cáo bồi thường cho người bị hại 20.000.0000 đồng (hai mươi triệu đồng) tiền chi phí điều trị thương tích và thiệt hại do tổn thất tinh thần.

- Người bị hại Hà Văn A đề nghị:

+ Hủy bản án sơ thẩm do bỏ lọt tội phạm đối với bà Chu Thị Ngọc H.

+ Buộc các bị cáo bồi thường chi phí điều trị thương tích và thiệt hại do tổn thất về tinh thần tổng cộng là 20.000.0000 đồng (hai mươi triệu đồng).

- Các bị cáo Trần Anh T và Chu Quang Đ đề nghị:

+ Xem xét kháng cáo về việc bỏ lọt tội phạm của người bị hại theo quy định của pháp luật.

+ Chấp nhận bồi thường chi phí điều trị thương tích và thiệt hại do tổn thất về tinh thần cho người bị hại tổng cộng là 20.000.0000 đồng (hai mươi triệu đồng).

- Người bào chữa cho các bị cáo, Luật sư Lê Văn T trình bày lời bào chữa: Nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã nêu tại phiên tòa.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại, ông Vũ Như H đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại vì bỏ lọt vai trò đồng phạm của bà Chu Thị Ngọc H với các lý do:

+ Hiền có mâu thuẫn với chị A từ trước, nên H có động cơ đánh chị A. Tại hiện trường, Hiền là người cầm cơ bida đánh chị A trước để khởi xướng cho hành vi của các bị cáo T và Đ.

+ Khi bị cáo T đánh chị A thì H có hành vi níu giữ, tạo thuận lợi cho Tuấn.

+ Đ và T khi vừa đến hiện trường là xông vào đánh chị A ngay, chúng tỏ Đ, T và H đã có sự bàn bạc từ trước.

+ Lời khai của H, T và Đ trước, sau không nhất quán và mâu thuẫn nhau, nhưng không cho đối chất làm rõ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Đối với kháng cáo về việc cấp sơ thẩm bỏ lọt tội phạm, người bị hại Hà Văn A kháng cáo trong hạn luật định, nên được cấp phúc thẩm xem xét.

Đối với kháng cáo bổ sung của người bị hại Hà Văn A về phần bồi thường thiệt hại, phần kháng cáo này đã quá thời hạn luật định, lẽ ra cấp phúc thẩm không xem xét, nhưng do tại phiên tòa các bị cáo và người bị hại thỏa thuận được với nhau về phần bồi thường, nên Tòa án cấp phúc thẩm ghi nhận nhằm giải quyết triệt để vụ án.

[2]. Xét kháng cáo của người bị hại:

[2.1]. Về thủ tục điều tra, truy tố, xét xử của cấp sơ thẩm: Những vấn đề cần phải chứng minh trong vụ án đã được cấp sơ thẩm tiến hành đầy đủ theo quy định tại Điều 85 của Bộ luật tố tụng Hình sự; các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thu thập đúng trình tự tố tụng; vai trò của bà Chu Thị Ngọc H cũng đã được Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa trả hồ sơ để làm rõ, nên không có cơ sở để hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

[2.2]. Về vai trò của bà Chu Thị Ngọc H, căn cứ tài liệu điều tra thu thập được và qua tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

Các bị cáo và bà Chu Thị Ngọc H đều không thừa có việc bàn bạc thống nhất ý chí từ trước giữa các bị cáo và bà Chu Thị Ngọc H về việc cùng nhau đánh chị Hà Văn A. Tại phiên tòa, các bị cáo cùng khẳng định: Các bị cáo không nhìn thấy bà H đánh chị A, mà chỉ nhìn thấy chị A nắm tóc đánh chị H, nên các bị cáo dùng dao, mã tấu đâm, chém chị để chị A buông chị H ra. Ngoài lời khai này của các bị cáo và bà H không có chứng cứ nào khác chứng minh bà H là người xúi giục hoặc tổ chức cho các bị cáo gây thương tích cho chị A.

Những người làm chứng khách quan nhất có mặt tại hiện trường là chị Phạm Thục V là chị Lê Hồng V (là các nhân viên của quán N) đều khai: Khi T cầm mã tấu chém chị A thì bà H là người đẩy T ra không cho chém chị A (bút lục 242, 243, 247, 248). Hình ảnh trong Video do cơ quan điều tra trích xuất từ camera của quán N cũng cho thấy: Việc bà H có hành vi ngăn cản, không cho T đánh chị A là đúng sự thật. Như vậy, không có cơ sở để kết luận bà H là người có hành vi giúp sức cho T và Đ đánh chị A.

Bà H và chị A đều thống nhất khai bà H có cầm cây cơ bida đánh chị A, nhưng theo chị A thừa nhận: Hành vi của bà H không gây thương tích gì (bút lục 208, 213). Người làm chứng Phạm Thục V khai: H cầm cơ xông vào đánh một cái về phía chị A thì chị A đỡ được (242, 243). Người làm chứng Lê Hồng V cũng khai: H đi từ cửa chính vào, lấy cây cơ bên cửa chính xông vào đánh chị A thì chị A đưa tay đỡ. Tại Công văn số 164/TTPY ngày 11 tháng 5 năm 2018 (bút lục 116), Trung tâm pháp y nêu rõ: "Cơ chế tác động các vết thương là vật sắc", phù hợp với các thương tích do T và Đ dùng dao và mã tấu gây ra. Như vậy, trong tất cả các vết

thương trên người của chị A không có vết thương nào do bà H gây ra.

Từ những phân tích nêu trên đủ cơ sở để kết luận: Hành vi của bà Chu Thị Ngọc H không thỏa mãn các dấu hiệu của người đồng phạm quy định tại Điều 17 của Bộ luật Hình sự, nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của chị Hà Vân A về việc Tòa án cấp sơ thẩm bỏ lọt tội phạm đối với bà Chu Thị Ngọc H .

[2.3]. Đối Trần Anh T và Chu Quang Đ:

Tuấn và Đ là những người trực tiếp dùng dao, mã tấu là hung khí nguy hiểm gây thương tích làm tổn thương cơ thể của chị A với tỷ lệ 14%, nên cấp sơ thẩm kết án các bị cáo về tội "Cố ý gây thương tích" theo Khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội.

Hình phạt mà cấp sơ thẩm tuyên phạt các bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi mà các bị cáo đã thực hiện và hậu quả do các bị cáo gây ra, nên cần giữ nguyên như án sơ thẩm.

[2.4]. Về phần bồi thường thiệt hại:

Trong quá trình điều tra, người bị hại Hà Vân A không yêu cầu bồi thường thiệt hại (bút lục 209, 213). Tại phiên tòa sơ thẩm người bị hại tự ý rời khỏi phòng xử án, nên Tòa án cấp sơ thẩm tách phần bồi thường để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự là đúng pháp luật.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo và người bị hại thỏa thuận được với nhau về việc: Các bị cáo liên đới bồi thường cho người bị hại Hà Vân A tổng giá trị thiệt hại gồm chi phí điều trị thương tích và thiệt hại do tổn thất về tinh thần là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Sự thỏa thuận này giữa các bị cáo và người bị hại là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và đảm bảo quyền lợi cho người bị hại nên được ghi nhận. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự.

[3]. Về án phí: Các bị cáo và người bị hại không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 343; các Điểm a, b Khoản 1 và Khoản 2 Điều 355; Điều 356; Điểm b Khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự,

1. Không chấp nhận kháng cáo của người bị hại Hà Vân A về việc Tòa án cấp sơ thẩm bỏ lọt tội phạm và giữ nguyên bản án sơ thẩm:

- Áp dụng Điểm đ Khoản 2 (dẫn chiếu các Điểm a và i Khoản 1) Điều 134; các Điểm b, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Anh T;

- Áp dụng các Điểm d, đ Khoản 2 (dẫn chiếu Điểm a Khoản 1) Điều 134; các Điểm b, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điểm a Khoản 1 Điều 55; Khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Chu Quang Đ,

- Xử phạt bị cáo Trần Anh T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội “cố ý gây thương tích”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Chu Quang Đ 02 (hai) năm tù, về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp với hình phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù của bản án số 08/2018/HSST ngày 10 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai, buộc Chu Quang Đ phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

2. Sửa bản án sơ thẩm về phân trách nhiệm dân sự:

Công nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo và người bị hại về việc: Các bị cáo Trần Anh T và Chu Quang Đ phải liên đới bồi thường cho chị Hà Vân A 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), trong đó: Trần Anh T bồi thường 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), Chu Quang Đ bồi thường 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Quy định:

- Người có nghĩa vụ bồi thường mà chậm thực hiện nghĩa vụ thì người đó phải trả lãi đối với số tiền chậm bồi thường tương ứng với thời gian chậm bồi thường theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

+ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Tạm giữ số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) do các bị cáo Trần Anh T và Chu Quang Đ đã nộp, đang được gửi tại Kho bạc Nhà nước thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, theo Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước số 0005362 ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Kho bạc Nhà nước thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, để bảo đảm cho việc thi hành án về nghĩa vụ bồi thường thiệt hại nêu trên của các bị cáo Trần Anh T và Chu Quang Đ.

4. Các bị cáo và người bị hại không phải nộp án phí án phí phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 25 tháng 3 năm 2019).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I – TANDTC;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - Công an

(Đã ký)

- tỉnh Khánh Hòa;
- TAND thành phố N;
 - VKSND thành phố N;
 - Công an thành phố N;
 - Chi cục THA dân sự thành phố N;
 - Bị cáo;
 - Lưu hồ sơ, án văn.

Lê Thành Trung